

Số: /BC-QBVPTR Kon Tum, ngày tháng 02 năm 2021

## **BÁO CÁO**

**Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham  
những tháng 02; phương hướng, nhiệm vụ tháng 3 năm 2021**

*(Từ ngày 11 tháng 01 năm 2021 đến ngày 10 tháng 02 năm 2021)*

Kính gửi: Thanh tra tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 1930/UBND-NC ngày 05 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thực hiện chế độ báo cáo theo Thông tư số 03/2013/TT-TTCT; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tháng 02; phương hướng, nhiệm vụ tháng 3 năm 2021, như sau:

### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Công tác thanh tra**

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc UBND tỉnh; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập; không có đơn vị trực thuộc và không có chức năng thanh tra.

#### **2. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo**

##### **2.1. Công tác tiếp công dân**

##### **a) Kết quả tiếp công dân:**

- Phòng Hành chính là bộ phận thường trực tiếp công dân của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; có trách nhiệm tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo; tổng hợp, tham mưu Giám đốc chỉ đạo giải quyết những nội dung thuộc thẩm quyền.

- Trong kỳ báo cáo không có các vụ việc liên quan đến khiếu nại, tố cáo phải giải quyết.

b) Nội dung tiếp công dân: Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị có nội dung liên quan đến Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng thay thế và các nội dung liên quan khác thuộc thẩm quyền. Hướng dẫn hoặc chuyển đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị có nội dung không thuộc thẩm quyền tới nơi thuộc thẩm quyền để được giải quyết (nếu có).

c) Kết quả phân loại, xử lý qua tiếp công dân: Trong kỳ báo cáo không có vụ việc xử lý qua tiếp công dân.

## 2.2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

a) Tiếp nhận (*số đơn tiếp nhận trong kỳ, đơn chưa được xử lý kỳ trước chuyển sang*): Không.

b) Phân loại đơn: Không.

c) Kết quả xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo nhận được: Không.

## 2.3. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền: Không.

2.4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo: Không

2.5. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo: Không.

## 3. Công tác phòng, chống tham nhũng

3.1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Định kỳ hàng tháng, cấp ủy chi bộ xây dựng chương trình và phối hợp với lãnh đạo cơ quan, các đoàn thể tổ chức hội nghị tuyên truyền, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, trong đó có các nội dung về công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Thực hiện Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh về triển khai công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 trên địa bàn tỉnh, văn bản số 394/UBND-NC ngày 01 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh về việc triển khai kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 trên địa bàn tỉnh và văn bản số 102/TTr-P4 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập năm 2020; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 của đơn vị và thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 đối với các cá nhân có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 34 của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 10 của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

c) Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Phòng Tổ chức-Kế toán là phòng chuyên môn trực tiếp tham mưu cho Lãnh đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh ban hành, xử lý những vấn đề có liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng và đảm bảo việc kiểm tra,

giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, phát huy vai trò, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao công tác phòng, chống tham nhũng của cơ quan.

Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát; kịp thời ngăn chặn, báo cáo, tham mưu xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí (*nếu có*) xảy ra.

d) Các kết quả khác đã thực hiện đề quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Không.

### 3.2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Thường xuyên thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Thông qua các cuộc họp giao ban, hội nghị tuyên truyền hàng tháng của cơ quan; Thủ trưởng cơ quan, kế toán trưởng công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí; tình hình tài chính, chi tiêu, thu nhập tăng thêm; tổ chức bộ máy, nhân sự... tình hình giải quyết các chế độ, quyền lợi và trách nhiệm, nghĩa vụ liên quan đến người lao động. Từ những nội dung công khai dân chủ, minh bạch này, công chức, viên chức, người lao động đã nắm được và đã thống nhất, đồng tình với kết quả quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, không có trường hợp khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị xảy ra.

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện nghiêm túc các chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện chi tiêu, mua sắm tuân thủ theo quy định về trình tự, thủ tục, đảm bảo tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu công tác... không xảy ra tiêu cực, tham nhũng. Việc thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý, sử dụng tài sản công góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng kinh phí để tăng thu nhập chính đáng cho công chức, viên chức và người lao động; nâng cao hiệu suất lao động, trách nhiệm của công chức, viên chức, người lao động nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

c) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng: Không.

d) Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức: Được thực hiện nghiêm chỉnh, thường xuyên theo quy định; chưa có trường hợp vi phạm xảy ra đến mức phải nhắc nhở, có ý kiến phản ánh của nhân dân, ảnh hưởng đến mỹ quan hoặc văn hóa công sở.

đ) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng theo đúng quy định: đã thường xuyên chuyển đổi các vị trí công tác có thể chuyển đổi được.

e) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập: Thu nhập hàng năm của công chức, viên chức, người lao động được công khai minh bạch; kê khai với cơ quan chức năng đảm bảo đầy đủ, kịp thời.

f) Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách: Trong kỳ báo cáo, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh không xảy ra hành vi tham nhũng; vì vậy, không có trường hợp xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan.

g) Việc thực hiện cải cách hành chính:

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh là một tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng huy động, tiếp nhận và quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính cho hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập nên không có thủ tục hành chính. Tuy nhiên, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh không ngừng cải cách thủ tục nghiệp vụ theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản thuận tiện và rút ngắn thời gian giải quyết công việc, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân được phục vụ tốt nhất; thực hiện tốt quy chế, quy định, đạo đức nghề nghiệp; có thái độ ân cần, phục vụ tốt nhân dân và các đơn vị, tổ chức đến làm việc, không gây phiền hà, tiêu cực, nhũng nhiễu, giải quyết công việc đúng pháp luật, không có phản ánh hoặc đơn thư khiếu nại.

h) Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị như: Sử dụng mạng Lan; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-Ioffice...

i) Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản: Thực hiện trả lương, công tác phí cho công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan và tất cả các khoản chi thường xuyên và không thường xuyên khác... qua tài khoản ngân hàng; việc chi trả tiền DVMTR và giải ngân tiền trồng rừng thay thế cũng được chuyển qua hệ thống ngân hàng, kho bạc nhà nước cho các chủ rừng, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn đầy đủ, kịp thời. Đặc biệt từ năm 2019, tiền dịch vụ môi trường rừng của các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chuyển khoản vào tài khoản của từng hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.

### 3.3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương: Trong kỳ báo cáo, không phát hiện trường hợp tham nhũng.

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra: Không.

c) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không.

d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không.

đ) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không.

3.4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng: Không.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THÁNG 3 NĂM 2021**

### **1. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo**

- Thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn thư; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân tại trụ sở Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo đúng quy định của pháp luật; không để tình trạng đơn giải quyết tồn đọng kéo dài, quá hạn và vượt cấp (*nếu có*);

- Nâng cao trách nhiệm, vai trò người đứng đầu đơn vị trong công tác điều hành đơn vị, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo...

### **2. Công tác phòng, chống tham nhũng**

- Tiếp tục tổ chức quán triệt, học tập cho đảng viên, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan các quan điểm, chủ trương, mục tiêu về phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như: kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập của công chức, viên chức, người lao động; công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan theo quy định... nhằm phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả hành vi tham nhũng, tiêu cực.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát thường xuyên, thực hiện giám sát các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm như: tài chính kế toán, tổ chức...;

- Phát huy vai trò người đứng đầu, chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức và người lao động, đặc biệt là việc tuân thủ, chấp hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, quy trình nghiệp vụ.

## **III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không**

Trên đây là báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tháng 02; phương hướng, nhiệm vụ tháng 3 năm 2021 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, kính báo cáo Thanh tra tỉnh biết, tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc;
- Các Phó Giám đốc;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TC-KT.

**GIÁM ĐỐC**

**Hồ Thanh Hoàng**

**KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG***(Số liệu tính từ ngày 11/01/2021 đến ngày 10/02/2021)**(Kèm theo Báo cáo số: /BC-QBVPTR, ngày tháng 02 năm 2021  
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)*

| MS | NỘI DUNG                                                                                                          | ĐV TÍNH    | SỐ LIỆU |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
|    | <b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>                                                                                      |            |         |
| 1  | Số văn bản ban hành mới để thực hiện luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành luật PCTN                        | Văn bản    | 0       |
| 2  | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành                         | Văn bản    | 0       |
|    | <b>TUYÊN TRUYỀN PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>                                                          |            |         |
| 3  | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp Luật về PCTN            | Lượt người | 0       |
| 4  | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp Luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức                                 | Lớp        | 0       |
| 5  | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp Luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản                                    | Tài liệu   | 0       |
|    | <b>THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>                                                              |            |         |
|    | <b><i>Công khai minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i></b>                     |            |         |
| 6  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch                     | CQ, TC, ĐV | 0       |
| 7  | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động                    | CQ, TC, ĐV | 0       |
|    | <b><i>Xây dựng thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i></b>                                                 |            |         |
| 8  | Số văn bản, chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới                                                     | Văn bản    | 0       |
| 9  | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp (sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ) | Văn bản    | 0       |
| 10 | Số cuộc kiểm tra về thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn                                        | Cuộc       | 0       |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý                             | Vụ         | 0       |

|    |                                                                                                                                              |            |   |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|
| 12 | Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn                                                                | Người      | 0 |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật                                                            | Người      | 0 |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự                                                            | Người      | 0 |
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy thành tiền). | Triệu đồng | 0 |
| 16 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường                                                       | Triệu đồng | 0 |
| 17 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị                                                                                                      | Người      | 0 |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)                                                           | Triệu đồng | 0 |
|    | <b><i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i></b>                                          |            |   |
| 19 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức                                                  | CQ, TC, ĐV | 0 |
| 20 | Số cơ quan, tổ chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý                                               | Người      | 0 |
| 21 | Số cơ quan, tổ chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng                                                    | Người      | 0 |
|    | <b><i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i></b>                                                                          |            |   |
| 22 | Số người được xác minh kê khai tài sản, thu nhập                                                                                             | Người      | 0 |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực                                                                                                | Người      | 0 |
|    | <b><i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i></b>                                           |            |   |
| 24 | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng                                                              | Người      | 0 |
| 25 | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng                                                      | Người      | 0 |
| 26 | Số người đứng đầu đã bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng                                                      | Người      | 0 |
|    | <b><i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i></b>                                                       |            |   |
| 27 | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính                                                                                  | CQ, TC, ĐV | 0 |

|    |                                                                                                                                                                                                             |       |   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---|
| 28 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc                                                                                                               | %     | 0 |
|    | <b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG</b>                                                                                                                                                                     |       |   |
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ                                                                                                                                              | Vụ    | 0 |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ                                                                                                                               | Người | 0 |
|    | <b><i>Qua hoạt động thanh tra</i></b>                                                                                                                                                                       |       |   |
| 31 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra                                                                                                                                                      | Vụ    | 0 |
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra                                                                                                                                      | Người | 0 |
|    | <b><i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i></b>                                                                                                                                                     |       |   |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức                                                                                                                                | Đơn   | 0 |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết                                                                                                                                                              | Đơn   | 0 |
| 35 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo                                                                                                                                      | Vụ    | 0 |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo                                                                                                                            | Người | 0 |
|    | <b><i>Qua điều tra tội phạm</i></b>                                                                                                                                                                         |       |   |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố                                                                                                                               | Vụ    | 0 |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố                                                                                                                             | Người | 0 |
|    | <b>XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG</b>                                                                                                                                                                         |       |   |
| 39 | Số vụ tham nhũng đã đưa ra xét xử ( <i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i> ) | Vụ    | 0 |
| 40 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng ( <i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i> ) | Người | 0 |
| 41 | Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng                                                                                                                                                | Người | 0 |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng                                                                                                                                                             | Người | 0 |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng                                                                                                                                                         | Người | 0 |
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng                                                                                                                                                    | Người | 0 |

|    |                                                                                                |            |   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|
| 45 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính                                                 | Vụ         | 0 |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng              | Người      | 0 |
| 47 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét xử lý (chưa có kết quả xử lý)       | Vụ         | 0 |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét xử lý (chưa có kết quả xử lý)     | Người      | 0 |
|    | <b><i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i></b>             |            |   |
| 49 | Bằng tiền ( <i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt nam</i> )      | Triệu đồng | 0 |
| 50 | Đất đai                                                                                        | m2         | 0 |
|    | <b><i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i></b>      |            |   |
| 51 | Bằng tiền ( <i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt nam</i> )      | Triệu đồng | 0 |
| 52 | Đất đai                                                                                        | m2         | 0 |
|    | <b><i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã không thu hồi, khắc phục được</i></b> |            |   |
| 53 | Bằng tiền ( <i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt nam</i> )      | Triệu đồng | 0 |
| 54 | Đất đai                                                                                        | m2         | 0 |
|    | <b><i>Bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù</i></b>                             |            |   |
| 55 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù                                               | Người      | 0 |
| 56 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó                              | Người      | 0 |
|    | Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ                                                         |            | 0 |
|    | Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương                                                       |            | 0 |
|    | Tặng Giấy khen                                                                                 |            | 0 |